TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SL**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-4-2022
V/v: Ly hôn giữa chị L và anh P.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mầng.

2 – Ông Nguyễn Đức Quyết.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Lường Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 19/04/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/02/2022 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị LTL, sinh 1974, trú tại: Bản NN, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh LVP, sinh 1973, trú tại: Bản NN, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách, xã hội huyện ML, tỉnh SL.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đào Trọng Dương – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/01/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTL trình bày:

Chị và anh LVP kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 06/11/1992 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh LVP hay uống rượu, bia, cuộc sống luôn bất hòa. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị LTL xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh LVP.

Về con chung: Có ba con là LTL, sinh ngày 10/10/1992; LVM, sinh ngày 09/8/1995 và LTH, sinh ngày 03/8/1998. Các cháu đều đã lớn trưởng thành.

Về tài sản chung, riêng: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách, xã hội huyện ML, tỉnh SL số tiền gốc 25.000.000, đồng theo chương trình hỗ trợ hộ nghèo. Chị nhất trí là người trả khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn anh LVP từ chối trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị LTL và anh LVP. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTL. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, anh xin đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có ba con là LTL,sinh ngày 10/10/1992; LVM, sinh ngày 09/8/1995 và LTH, sinh ngày 03/8/1998. Các cháu đều đã lớn trưởng thành.

Về tài sản chung, riêng: Đều không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Nợ Ngân hàng chính sách, xã hội huyện ML, tỉnh SL số tiền gốc 25.000.000, đồng theo chương trình hỗ trợ hộ nghèo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách, xã hội huyện ML, tỉnh SL trình bày: Căn cứ sổ vay vốn mã khách hàng 1600080440 ngày 22/4/2019 Ngân hàng cho gia đình chị LTL và anh LVP vay theo chương trình hộ nghèo, số tiền gốc vay là 25.000.000, đồng. Nay hai người ly hôn Ngân hàng yêu cầu chị LTL là người có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 25.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có căn cứ để xử cho chị LTL được ly hôn anh LVP.

Về tài sản chung, riêng: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị LTL có trách nhiệm trả nợ cho: Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 25.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Chị LTL chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh LVP sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, từ chối khai trình bầy nguyện vọng, anh LVP đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân thị trấn IO, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh LVP.

Nguyên đơn chị LTL và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội huyện ML đều có đơn đề nghị xử vắng mặt, căn cứ theo quy định của Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTL và anh LVP có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh LVP bạo lực, hai người thường xuyên cãi chửi nhau. Hai người sống ly thân từ năm 2020 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTL và anh LVP đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTL yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTL được ly hôn anh LVP.

[3] Về con chung: Có ba con là LTL, sinh ngày 10/10/1992; LVM, sinh ngày 09/8/1995 và LTH, sinh ngày 03/8/1998. Các cháu đều đã lớn trưởng thành.

[4] Về tài sản chung, riêng: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Khoản nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML được xác định là khoản vay nợ về xây dựng gia đình nằm trong chương trình hỗ trợ hộ nghèo và nhà ở. Hiện xác định chị LTL nhất trí thanh toán trả nợ, đồng thời đại diện Ngân hàng cũng có yêu cầu chị LTL là người có trách nhiệm trả nợ gốc là 25.000.000, đồng và lãi phát sinh. Theo quy định Điều 37 của Luật Hôn

nhân và Gia đình số nợ được phân chia trách nhiệm trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

Chị LTL chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị LTL được ly hôn anh LVP.

2. Về tài sản chung, riêng: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về nợ chung: Chị LTL có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL số tiền vay gốc 25.000.000, đồng (hai mươi năm triệu đồng) và lãi phát sinh, theo sổ vay vốn mã khách hàng 1600080440 ngày 22/4/2019.

4. Về án phí: Chị LTL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000105 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND thị trấn IO, huyện ML (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (3);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh Tuấn